

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 30-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản
(thức ăn gia súc)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (thức ăn gia súc) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-DS ngày 15/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà O, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 53, tổ 14, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1976; Trú tại: số 17/8D, tổ 11, khu phố 1A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 28/12/2021) – Có mặt.

Bị đơn:

1. Ông C, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, thị xã C, tỉnh Bình Dương – Có mặt.

2. Bà D, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, thị xã C, tỉnh Bình Dương – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 02/7/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông T trình bày:

Bà O là hộ buôn bán nhỏ lẻ thức ăn gia súc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà O không có đăng ký kinh doanh.

Giữa vợ ông C, bà D và bà O trước đây có mối quan hệ quen biết. Giữa hai bên mua bán cám heo với nhau rất nhiều lần, bà O là người trực tiếp cung cấp cám heo cho vợ chồng ông C, bà D để chăn nuôi heo tại gia đình. Việc mua bán cám heo giữa hai bên bắt đầu từ năm 2012, tuy nhiên, đến tháng 8/2017, ông C và bà D ngừng lấy cám heo do không có tiền để thanh toán tiền hàng cho bà O.

Ngày 06/9/2016, giữa hai bên chốt công nợ xác định ông C và bà D còn nợ của bà O số tiền 1.750.000.000 đồng. Số tiền này sau khi chốt công nợ, vợ chồng ông C, bà D chưa thanh toán cho bà O.

Sau ngày chốt công nợ (06/9/2016), vợ chồng ông C, bà D tiếp tục lấy cám heo mới kể từ 01/4/2017 đến 29/8/2017 và phát sinh số nợ mới là 441.822.000 đồng.

Ngày 15/8/2019, hai bên chốt công nợ và xác định ông C, bà D còn nợ bà O là 2.191.822.000 đồng, bao gồm nợ cũ là 1.750.000.000 đồng và nợ mới 441.822.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông C, bà D đã thanh toán được cho bà O số tiền nợ gốc là 201.822.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 1.990.000.000 đồng.

Kể từ sau khi chốt công nợ vào ngày 15/8/2019, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn cố tình trì hoãn, trốn tránh trách nhiệm.

Nay bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà D thanh toán số tiền 2.452.675.000 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 1.990.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2022) là 31 tháng 15 ngày, làm tròn thành 31 tháng với số tiền 462.675.000 đồng. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy xác nhận nợ đề ngày 15/8/2019 có chữ ký xác nhận của ông C, bà D.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2022, Bản tự khai đề ngày 24/01/2022 của ông C, bà D và lời khai trong quá trình tham gia hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn ông C, bà D cùng thống nhất trình bày:

Giữa vợ ông C, bà D và bà O trước đây có mối quan hệ quen biết. Giữa hai bên mua bán cám heo với nhau rất nhiều lần, có lần thanh toán tiền mặt, có lần vợ chồng ông, bà mua hàng nợ. Hình thức mua bán giữa hai bên là gói đầu. Tất cả các lần lấy thức ăn gia súc ông C, bà D đều ghi lại số tiền nợ vào sổ cá nhân của mình.

Việc mua bán cám heo (thức ăn gia súc) giữa hai bên đều có ghi rõ số lượng, ký hiệu sản phẩm, mã hàng hóa (tên loại thức ăn) và đơn giá mỗi loại sản phẩm, tổng số tiền cụ thể mỗi lần mua bán thức ăn gia súc.

Việc mua bán thức ăn gia súc giữa hai bên diễn ra từ năm 2012 đến năm 2017 rất nhiều lần với tổng số tiền là 11.300.000.000 đồng. Đến ngày 06/9/2016 vợ chồng ông bà và bà O có đối chiếu lại sổ sách, tính toán lại toàn bộ số nợ dồn từ năm 2012 đến năm 2017 với số tiền còn nợ là 2.191.822.000 đồng, bao gồm, tiền nợ cám heo theo chốt công nợ vào ngày 06/9/2016 là 1.750.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), trong đó bà O tính lãi 2,5%/ngày đối với mỗi bao cám và số tiền nợ mới phát sinh từ ngày 18/9/2016 đến năm 2017 là 441.822.000 đồng, trong đó bà O có tính tiền lãi suất theo mức lãi suất 1,5%/ngày đối với mỗi bao cám.

Sau đó, năm 2020, vợ chồng ông bà đã thanh toán cho bà O số tiền 201.822.000 đồng. Hiện nay vợ chồng ông bà còn nợ của bà O tiền mua cám heo với số tiền 1.990.000.000 đồng (một tỷ, chín trăm chín mươi triệu đồng).

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Ông C và bà Bà D cùng có ý kiến:

- Các bị đơn đề nghị bà O giảm 50% trên số tiền nợ gốc (1.990.000.000 đồng (một tỷ, chín trăm chín mươi triệu đồng)), tương đương với số tiền là 995.000.000 đồng và cam kết trong thời hạn 06 tháng sẽ thanh toán bằng 01 lần cho bà O. Đối với số tiền 995.000.000 đồng tiền nợ gốc còn lại đề nghị nguyên đơn giảm toàn bộ. Đối với tiền lãi các bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi do việc chăn nuôi bị thua lỗ, không có khả năng thanh toán.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận: Các bị đơn đều thừa nhận hiện nay còn nợ của nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.990.000.000 đồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn liên đới thanh toán nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2022) là 31 tháng 15 ngày, làm tròn thành 31 tháng với số tiền 462.675.000 đồng.

- Bị đơn ông Ông C và bà Bà D trình bày ý kiến tranh luận: Bà D và ông C cùng thừa nhận hiện nay còn nợ bà O số tiền nợ gốc là 1.990.000.000 đồng (một tỷ, chín trăm chín mươi triệu đồng) phát sinh từ việc mua cám heo để chăn nuôi heo tại gia đình. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn và việc chăn nuôi bị thua lỗ nên các bị đơn chỉ đồng ý thanh toán 60% số tiền nợ gốc, tương đương với số tiền là 1.194.000.000 đồng, bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn 40% số tiền nợ gốc còn lại và đề nghị miễn toàn bộ tiền lãi vì tình hình chăn nuôi thua lỗ.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

- + Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Bà D và ông Ông C thanh toán số tiền nợ gốc là 1.990.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với ý kiến của các bị đơn cho rằng nguyên đơn tính tiền lãi 2,5%/bao cám/ngày vào số tiền nợ gốc là không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận.

Các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà O khởi kiện yêu cầu ông Ông C và bà Bà D cùng liên đới trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ. Bị đơn ông C, bà D có địa chỉ thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp Ấp B xã P, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (thức ăn gia súc)*” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn:

Nguyên đơn bà O khởi kiện đối với bị đơn ông Ông C và bà Bà D, yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà D thanh toán số tiền 2.452.675.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.990.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 462.675.000 đồng.

Các bị đơn cùng thừa nhận hiện nay còn nợ của nguyên đơn số tiền nợ gốc phát sinh từ việc mua cám heo của bà O là 1.990.000.000 đồng (một tỷ, chín trăm chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên, do tình hình chăn nuôi gặp nhiều khó khăn nên các bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền 60% trên tổng số tiền nợ gốc, tương đương với số tiền là 1.194.000.000 đồng, các bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn 40% số tiền nợ gốc còn lại và đề nghị miễn toàn bộ tiền lãi vì tình hình chăn nuôi thua lỗ.

[2.2] Xét hình thức của hợp đồng mua bán: Xét thấy, việc thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc giữa bà O và ông Ông C, bà Bà D là tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, thỏa thuận này giữa hai bên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ.

[2.3] Xét từng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

- Về nợ gốc: Bà O yêu cầu ông C, bà D thanh toán số tiền nợ gốc phát sinh từ hợp đồng mua bán cám heo là 1.990.000.000 đồng theo sổ chốt công nợ giữa hai bên vào ngày 15/8/2019. Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên

tòa, các đương sự đều thừa nhận hiện nay còn nợ bà O số tiền mua cám heo là 1.990.000.000 đồng (một tỷ, chín trăm chín mươi triệu đồng). Xét thấy, các bên thừa nhận có việc ký kết hợp đồng mua bán thức ăn gia súc và thừa nhận hiện nay ông C, bà D còn nợ lại khoản tiền gốc của bà O với số tiền là 1.990.000.000 đồng (một tỷ, chín trăm chín mươi triệu đồng) là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà O về việc buộc ông C, bà D phải thanh toán khoản tiền nợ gốc 1.990.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 440, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.4] Xét việc các bị đơn cho rằng do việc chăn nuôi thua lỗ nên chỉ đồng ý thanh toán số tiền 1.194.000.000 đồng, tương đương với 60% tổng số tiền nợ gốc (1.990.000.000 đồng) và đề nghị nguyên đơn miễn 40% tiền nợ gốc còn lại. Tại phiên tòa không được đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý và đề nghị này không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 30/3/2022 là 31 tháng 15 ngày, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị làm tròn là 31 tháng là 462.675.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn trình bày do chăn nuôi thua lỗ nên đề nghị được miễn toàn bộ tiền lãi. Xét thấy, bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi nhưng không được nguyên đơn đồng ý và nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán. Xét yêu cầu về thanh toán tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp với Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận, do đó cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi chậm thanh toán, cụ thể: chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2022) là 31 tháng 15 ngày, nguyên đơn đề nghị làm tròn thành 31 tháng là quyền quyết định, định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tính như sau: $1.990.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 31 \text{ tháng} = 462.675.000 \text{ đồng}$.

Từ các lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Ông C và bà Bà D liên đới thanh toán số tiền 2.452.675.000 đồng, trong đó nợ gốc là: 1.990.000.000 đồng, tiền lãi là 462.675.000 đồng.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng nguyên đơn tính tiền lãi là 2,5%/bao cám/ngày vào số tiền nợ gốc. Xét thấy, tại sổ chốt nợ ngày 06/9/2016 và ngày 15/8/2019 do nguyên đơn cung cấp (bút lục 04) thể hiện nội dung: “*chưa cộng lãi suất*”, điều này chỉ thể hiện các bên chốt lại số tiền nợ gốc chưa thanh toán và không thể hiện nội dung các bên có thỏa thuận cộng tiền lãi khi chốt công nợ vào số tiền nợ gốc. Ngoài ra, ý kiến bị đơn đưa ra cho rằng nguyên đơn tính 2,5%/bao cám/ngày vào số tiền nợ gốc nhưng không được nguyên đơn thừa nhận, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà O không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Ông C và bà Bà D phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 288; Điều 430; Điều 440; Điều 357; khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O đối với bị đơn ông Ông C, bà Bà D về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (thức ăn gia súc)”.

Buộc ông Ông C và bà Bà D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà O số tiền 2.452.675.000 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ông C và bà Bà D phải chịu 81.053.500 đồng (tám mươi một triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà O 39.332.750 đồng (ba mươi chín triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004657, ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

